TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-ST
Ngày: 18 - 08 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đẳng

Ông Trịnh Thanh Trần

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nđơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1975 và bà Trịnh Thị C, sinh năm 1982

Bà Trịnh Thị C ủy quyền cho ông Huỳnh Văn N tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 22/3/2023.

Địa chỉ cư trú: ấp 7, xã K, huyện U , tỉnh C (ông N có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1983 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 5, xã K, huyện U , tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn N trình bày:

Vào ngày 26/02/2021 âm lịch, ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T có vay của vợ chồng ông số tiền 120.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, ông Đ bà T có làm giấy thỏa thuận vay tiền nhưng từ khi vay đến nay ông Đ bà T không trả tiền lãi và cũng không trả tiền vốn. Ông N bà C yêu cầu ông Đ và bà T trả số tiền vốn là 120.000.000 đồng và tiền lãi là 1,66%/tháng, tính từ ngày 26/02/2021 âm

lịch đến ngày 03/7/2023 âm lich (nhằm ngày 18/8/2023 dương lịch) là 28 tháng 6 ngày với số tiền lãi là 56.172.000 đồng. Tổng cộng ông Nguyện và bà C yêu cầu ông Đ, bà T trả tiền vốn và tiền lãi là 176.172.000 đồng.

- Ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông N, bà C và vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa ông Huỳnh Văn N, bà Trịnh Thị C với ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Huỳnh Văn N, bà Trịnh Thị C xác định ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T vay của ông, bà số tiền vốn 120.000.000 đồng nhưng không trả. Xét yêu cầu của ông N, bà C nhận thấy việc ông Đ, bà T có nợ tiền ông N, bà C là có thật, ông N, bà C chứng minh việc ông Đ, bà T nợ bằng giấy thỏa thuận vay tiền ngày 26/02/2021. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Đ, bà T thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Đ, bà T không có ý kiến gì liên quan đến số tiền ông N, bà C yêu cầu ông Đ, bà T trả và vắng mặt không lý do. Từ đó, cho thấy mặt nhiên ông Đ, bà T đã thừa nhận có nợ tiền của ông N, bà C. Do đó, ông N, bà C yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền vốn 120.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Xét yêu cầu của ông N, bà C yêu cầu ông Đ, bà T trả lãi 1,66%/tháng, tính từ thời điểm vay ngày 26/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/8/2023 (nhằm ngày 3/7/2023 âm lịch), là 28 tháng 6 ngày với số tiền lãi là 56.172.000 đồng, phù hợp với quy định theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, buộc ông Đ, bà T trả cho ông Đ, bà C tiền lãi là 56.172.000 đồng.

Tổng cộng buộc ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T trả cho ông Huỳnh Văn N, bà Trịnh Thị C số tiền vốn và tiền lãi là 176.172.000 đồng.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của ông Huỳnh Văn N, bà Trịnh Thị C được chấp nhận nên không phải chịu án phí, ông N, bà C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.195.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011078 ngày 29/3/2023 của C cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho ông N, bà C.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T phải trả cho ông N, bà C, ông Đ, bà T phải chịu là 8.808.600 đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, bà Trịnh Thị C về việc yêu cầu ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T trả tiền vay.

- Buộc ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T trả cho ông Huỳnh Văn N và bà Trịnh Thị C số tiền là 176.172.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông N, bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Đ, bà T còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Huỳnh Văn N, bà Trịnh Thị C không phải chịu án phí, ông N, bà C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.195.000 (Bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011078 ngày 29/3/2023 của C cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho ông N, bà C.

+ Án phí có giá ngạch ông Bùi Văn Đ và bà Đoàn Thị T phải chịu số tiền là 8.808.600 (Tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn sáu trăm) đồng.

Án xử sơ thẩm ông Huỳnh Văn N và bà Trịnh Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Bùi Văn Đ, bà Đoàn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- C cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn